



Běi dí

北狄

noun · Northern Di (ancient ethnic group)

Example Sentence

Gǔ dài Běi dí shēng huó zài běi fāng cǎo yuán
古代北狄 生 活 在 北 方 草 原 。

The ancient Northern Di lived on the northern grasslands.

Trace each character, then write the word on your own.

北	北	北	北	北	北	北	北				

狄	狄	狄	狄	狄	狄	狄	狄	狄	狄		
